

THÔNG TƯ

**Quy định về phân cấp thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

Việc phân cấp thủ tục hành chính phải bảo đảm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, công bằng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; tăng tính chủ động của chính quyền địa phương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản trị hành chính.

Chương II

PHÂN CẤP THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 3. Cấp giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại Việt Nam

1. Việc cấp giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại khoản 3, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 38 Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thực hiện theo quy định tại mục I Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Báo chí số 126/2025/QH15 thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 5. Thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Đối với những nội dung thay đổi gồm: ngôn ngữ thể hiện, đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình, loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thư điện tử, đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối Internet ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 18 Luật Báo chí số 126/2025/QH15, Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan báo chí thực hiện văn bản thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

2. Đối với nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong giấy hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 18 Luật Báo chí số 126/2025/QH15, cơ quan báo chí thực hiện hồ sơ đề nghị chấp thuận gửi cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

Việc chấp thuận đối với đề nghị của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Việc thực hiện thông báo và trình tự, thủ tục đề nghị chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong giấy hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện theo quy định tại mục II Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Thay đổi nội dung ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Đối với những nội dung thay đổi gồm: ngôn ngữ thể hiện, đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình, loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thư điện tử, đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối Internet ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo, quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 18 Luật Báo chí số 126/2025/QH15, khoản 5 Điều 15 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP, khoản 6 Điều 22 Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15 Điều 1 Luật Quảng cáo số 75/2025/QH15, Điều 14, Điều 16 Nghị định số 342/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo, cơ quan báo chí thực hiện văn bản thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

2. Đối với nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo, quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 18 Luật Báo chí số 126/2025/QH15, khoản 5 Điều 15 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP, khoản 6 Điều 22 Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15 Điều 1 Luật Quảng cáo số 75/2025/QH15, Điều 14, Điều 16 Nghị định số 342/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo, cơ quan báo chí thực hiện hồ sơ đề nghị chấp thuận gửi cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

Việc chấp thuận đối với đề nghị của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Việc thực hiện thông báo và trình tự, thủ tục đề nghị chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo của cơ quan Báo và

phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện theo quy định tại mục III Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Thay đổi nội dung ghi trong giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Đối với những nội dung thay đổi gồm: địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, số giấy phép hoạt động phát thanh, số giấy phép hoạt động truyền hình của cơ quan báo chí thực hiện hoạt động biên tập ghi trong giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, quy định tại Điều 33 Luật Báo chí số 126/2025/QH15, khoản 6 Điều 20 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP, cơ quan báo chí thực hiện văn bản thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

Việc thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí thực hiện theo quy định tại mục IV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Cấp giấy phép xuất bản bản tin đối với cơ quan, tổ chức của Trung ương, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam

1. Việc cấp giấy phép xuất bản bản tin đối với cơ quan, tổ chức của Trung ương, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4 Điều 48 Luật Báo chí số 126/2025/QH15 thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 9. Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

1. Việc cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13; khoản 1, 2 Điều 13 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; Nghị định số 150/2018/NĐ-CP thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thực hiện theo quy định tại mục V Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

1. Việc cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 32 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13; Điều 13

Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép thực hiện theo quy định tại mục VI Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin đối với cơ quan, tổ chức của Trung ương, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam

1. Việc chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin quy định tại Điều 19 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 12. Công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình

1. Việc cấp bản tiếp nhận công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình được quy định tại Điều 6 Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 3 Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục công bố thực hiện theo quy định tại mục VII Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 13. Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu

1. Việc xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu được quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục xác nhận thực hiện theo quy định tại mục VIII Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 14. Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh

1. Việc phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh đối với tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh do các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương nhập khẩu quy định tại Điều 7 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9, khoản 10, khoản 14 Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục phê duyệt thực hiện theo quy định tại mục IX Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2026 đến hết ngày 01 tháng 3 năm 2027, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh liên quan đến quy định tại Thông tư này được thông qua hoặc ban hành sau thời điểm Thông tư này có hiệu lực và thời điểm có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 6 năm 2026 đến trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì các quy định tương ứng trong Thông tư này hết hiệu lực kể từ thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

2. Các Điều 4, 5, 6, 7, 8 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành Thông tư này được xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm trách nhiệm theo quy định tại khoản 11 Điều 68 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để được hướng dẫn, giải quyết.

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính được phân cấp thuộc các lĩnh vực quy định tại các Điều 3, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của pháp luật đang có hiệu lực điều chỉnh trong lĩnh vực đó tại thời điểm hồ sơ được tiếp nhận./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL;
- Sở VHTTDL, Sở VH TT, Sở DL;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, VP, QA (200).



BỘ TRƯỞNG

Lâm Thị Phương Thanh

Phụ lục

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC PHÂN CẤP THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

*(Kèm theo Thông tư số 09 /2026/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

282

I. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại Việt Nam

Đối với tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài, cơ quan ngoại giao, cơ sở văn hóa nước ngoài tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại Việt Nam.

1. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép được thực hiện như sau:

- Tổ chức đề nghị cấp giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Danh mục kèm theo Phụ lục này;

b) Đề án nêu rõ mục đích, ý nghĩa, tiêu chí, nội dung, cơ cấu tổ chức, kinh phí, phân công nhiệm vụ và tổ chức thực hiện;

c) Điều lệ nêu rõ đối tượng tham dự, cơ cấu giải thưởng và thành phần ban giám khảo.

- Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ phải điều chỉnh nội dung hoặc bổ sung thông tin theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã điều chỉnh, bổ sung đầy đủ thông tin, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thực hiện cấp giấy phép.

- Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại điểm a khoản 5 Điều 38 Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 sau khi được cấp giấy phép, cơ quan, tổ chức thực hiện đề nghị cấp lại giấy phép theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 38 Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp lại giấy phép.

2. Thu hồi giấy phép

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau đây:

- Vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 trong quá trình tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim;
- Thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép là giả mạo;
- Không thực hiện đúng nội dung giấy phép.

II. Việc thực hiện thông báo và trình tự, thủ tục đề nghị chấp thuận nội dung thay đổi ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Việc thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí đối với những nội dung thay đổi gồm: ngôn ngữ thể hiện, đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình, loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thư điện tử, đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối Internet ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình thực hiện như sau:

Cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi thông báo bằng văn bản đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bằng một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Trình tự, thủ tục đề nghị chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện như sau:

Cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình bằng một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Hồ sơ gồm có: Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí được người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật ký xác nhận và gửi kèm

theo bản màu biểu tượng kênh chương trình có ký xác nhận của người có thẩm quyền.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có văn bản chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh chương trình ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử cho cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và nêu rõ lý do.

Cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi nộp hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Công Dịch vụ quốc gia, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

III. Việc thực hiện thông báo và trình tự, thủ tục đề nghị thay đổi nội dung ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Việc thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí khi thay đổi những nội dung gồm: ngôn ngữ thể hiện, đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình, loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thư điện tử, đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối Internet ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo thực hiện như sau:

Cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi thông báo bằng văn bản đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bằng một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Trình tự, thủ tục đề nghị chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh

chương trình chuyên quảng cáo của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện như sau:

Cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo bằng một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Hồ sơ gồm có: Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí được người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật ký xác nhận và gửi kèm theo bản màu biểu tượng kênh chương trình có ký xác nhận của người có thẩm quyền.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có văn bản chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh chương trình ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử cho cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và nêu rõ lý do.

Cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi nộp hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

IV. Việc thực hiện thông báo nội dung thay đổi ghi trong giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền của cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Việc thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí khi thay đổi những nội dung, gồm: địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, số giấy phép hoạt động

phát thanh, số giấy phép hoạt động truyền hình của cơ quan báo chí thực hiện hoạt động biên tập ghi trong giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thực hiện như sau:

Cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, gửi thông báo bằng văn bản đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bằng một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

V. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

1. Điều kiện để cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm bao gồm:

a) Người đứng đầu cơ sở in phải là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

b) Có mặt bằng sản xuất, thiết bị để thực hiện một hoặc các công đoạn chế bản, in và gia công sau in xuất bản phẩm;

c) Chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân Việt Nam.

2. Cơ sở in đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo Mẫu số 02 tại Danh mục kèm theo Phụ lục này;

b) Bản sao một trong các loại giấy: Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập cơ sở in còn hiệu lực tính đến thời điểm nộp đơn; Trường hợp tổ chức sử dụng thông tin Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì được tra cứu, tích hợp thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh (không phải nộp bản sao nếu đã có thông tin dữ liệu);

c) Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in theo Mẫu số 03 tại Danh mục kèm theo Phụ lục này;

d) Giấy tờ, tài liệu chứng minh về người đứng đầu cơ sở in, có mặt bằng sản xuất và thiết bị trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, quy định cụ thể như sau:

- Đối với người đứng đầu cơ sở in xuất bản phẩm: Là người đại diện theo pháp luật và trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở.

- Đối với tài liệu chứng minh về mặt bằng sản xuất: Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hay các loại giấy tờ khác chứng minh về việc giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng để sản xuất.

- Đối với tài liệu chứng minh về thiết bị: bản sao giấy tờ sở hữu hoặc thuê mua thiết bị.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, cơ sở in phải hoàn thành việc mua hoặc thuê mua đủ thiết bị theo danh mục dự kiến đầu tư, gửi bản sao chứng từ mua, thuê mua thiết bị cho cơ quan cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo Mẫu số 04 tại Danh mục kèm theo Phụ lục này; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

VI. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

1. Trong thời gian 11 ngày làm việc, kể từ ngày cơ sở in có một trong các thay đổi về tên gọi, địa chỉ, thành lập chi nhánh, chia tách hoặc sát nhập, thay đổi về người đứng đầu hoặc giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm bị mất, bị huỷ, cơ sở in phải có hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép.

2. Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo Mẫu số 05 tại Danh mục kèm theo Phụ lục này.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

VII. Công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình

1. Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình gửi 01 bộ hồ sơ công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ bao gồm:

a) Công văn về việc công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình theo Mẫu số 06 tại Danh mục kèm theo Phụ lục này;

b) Bản công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình theo Mẫu số 07 tại Danh mục kèm theo Phụ lục này;

c) Danh mục các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình theo Mẫu số 08 tại Danh mục kèm theo Phụ lục này.

2. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp bản tiếp nhận công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình, trường hợp từ chối phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

VIII. Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu

1. Đối với các sản phẩm nghe nhìn được chứa trong máy móc, thiết bị, linh kiện, phương tiện hoặc sản phẩm nghe nhìn khác ghi trên mọi chất liệu có nội dung vui chơi giải trí, trò chơi điện tử (trừ trò chơi điện tử trực tuyến và trò chơi điện tử quy định tại Điều 10 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL) và nội dung văn hóa khác không phải là sản phẩm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL phải được cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết trên cơ sở hồ sơ đề nghị nhập khẩu của Thương nhân.

2. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết hồ sơ là cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Thương nhân đề nghị nhập khẩu nộp 01 bộ hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đến cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu theo Mẫu số 09 tại Danh mục kèm theo Phụ lục này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ khác xác nhận tư cách pháp lý có giá trị tương đương (nếu có). Trường hợp doanh nghiệp sử dụng thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì được tra cứu, tích hợp thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, không phải nộp bản sao nếu đã có thông tin dữ liệu;

c) Bản mô tả nội dung, hình ảnh, cách thức vận hành, sử dụng, chủng loại, số lượng, tính năng của từng loại hàng hóa và các thông tin liên quan khác đến sản phẩm nhập khẩu (nếu có).

4. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ có văn bản trả lời kết quả chấp thuận hoặc từ chối đề nghị nhập khẩu của Thương nhân và nêu rõ lý do.

6. Văn bản của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận cho thương nhân nhập khẩu hàng hóa là căn cứ để cơ quan hải quan cho phép thương nhân được đưa hàng về địa điểm kiểm tra chuyên ngành hoặc kho của doanh nghiệp bảo quản để chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cơ quan hải quan làm thủ tục xác nhận thông quan cho hàng hóa sau khi có văn bản thẩm định, phê duyệt nội dung của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL.

IX. Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh

1. Thương nhân đề nghị phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu nộp 01 bộ hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đến cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu theo Mẫu số 10 tại Danh mục kèm theo Phụ lục này;

b) Hình ảnh tác phẩm nhập khẩu, nêu rõ chất liệu, kích thước.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Văn bản phê duyệt nội dung tác phẩm là căn cứ để thương nhân làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan.

DANH MỤC
CÁC MẪU BAN HÀNH KÈM THEO PHỤ LỤC

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức liên hoan phim/liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề/ giải thưởng phim/cuộc thi phim tại Việt Nam
Mẫu số 02	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
Mẫu số 03	Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in
Mẫu số 04	Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
Mẫu số 05	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
Mẫu số 06	Công văn về việc công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình
Mẫu số 07	Bản công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình
Mẫu số 08	Danh mục các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình
Mẫu số 09	Đơn đề nghị xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu
Mẫu số 10	Đơn đề nghị phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu

4. (Tên cơ quan/tổ chức đề nghị) cam kết

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim.

- Chấp hành quy định của Luật Điện ảnh và quy định pháp luật có liên quan./.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

	<i>Viết và theo công nghệ)</i>			máy)				<i>hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư)</i>	<i>bản, in, gia công sau in)</i>	<i>mua thiết bị⁽⁸⁾</i>

8. Tài liệu chứng minh về việc có mặt bằng sản xuất gồm: Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc được giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng số... ngày ... tháng ... năm ... nơi cấp.....

9. Kèm theo đơn này gồm các giấy tờ sau đây:

- Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in (bản chính);
- Bản sao một trong các loại giấy: Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập cơ sở in còn hiệu lực tính đến thời điểm nộp đơn; Trường hợp tổ chức sử dụng thông tin Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì được tra cứu, tích hợp thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh (không phải nộp bản sao nếu đã có thông tin dữ liệu).

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp phép và cam kết chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in xuất bản phẩm./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.

⁽²⁾ Ghi tên cơ sở in đề nghị cấp phép. Trường hợp cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập không có pháp nhân thì ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp.

⁽³⁾ Ghi theo địa chỉ trụ sở chính trên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.

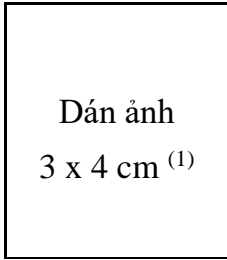
⁽⁴⁾ Ghi theo địa chỉ chi nhánh/xưởng sản xuất trên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in. Trường hợp có nhiều địa chỉ sản xuất (chi nhánh) thì ghi lần lượt, đầy đủ từng địa chỉ.

⁽⁵⁾ Ghi đầy đủ họ và tên, quốc tịch của toàn bộ cá nhân và tổ chức là đồng chủ sở hữu tính đến thời điểm nộp đơn (có thể lập thành danh mục kèm theo).

⁽⁶⁾ Ghi từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với tính năng thiết bị in của cơ sở in.

⁽⁷⁾ Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

⁽⁸⁾ Trường hợp thiết bị in nhập khẩu trong giai đoạn mà pháp luật không quy định phải có giấy phép khi nhập khẩu thì ghi năm nhập khẩu theo chứng từ hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai năm nhập khẩu đó.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
 (của người đứng đầu cơ sở in)

1. Họ và tên Bí danh:
2. Ngày, tháng, năm sinh: Nam, nữ:
3. Quê quán:
4. Nơi đăng ký thường trú:
5. Nơi đăng ký tạm trú (nếu có):
6. Căn cước công dân: Số ngày tháng năm nơi cấp
7. Dân tộc: Tôn giáo: Quốc tịch:
8. Tình trạng sức khỏe hiện nay:
9. Trình độ văn hóa: Trình độ chuyên môn:
10. Trình độ chính trị:
11. Chức vụ trong cơ sở in:
12. Tên cơ sở in/chi nhánh:
13. Ngành, nghề kinh doanh về in:

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Làm công tác gì, cơ quan nào, chức vụ?	Địa chỉ ở đâu?

Tôi cam đoan những nội dung khai trong bản lý lịch này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ĐƠN VỊ 1

....., ngày tháng năm

Người khai ký tên
(Ký và ghi rõ họ tên)

1 Dành cho cơ sở in sự nghiệp công lập.

TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-(1)...

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
Hoạt động in xuất bản phẩm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

Xét đơn đề nghị của.....;

CHO PHÉP:

1. Cơ sở in
 - Địa chỉ trụ sở chính:
 - Địa chỉ từng chi nhánh/xưởng sản xuất:
 - Họ và tên người đứng đầu:
 - Chức vụ:
 - Căn cước công dân số....., cấp ngày ...tháng...năm..., nơi cấp
2. Được phép chế bản/in/gia công sau in:xuất bản phẩm.....⁽³⁾
3. Giấy phép hoạt động in sốngày...tháng...năm...không còn giá trị⁽⁴⁾.

Nơi nhận:

- Cơ sở in xuất bản phẩm;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

⁽¹⁾ Chữ viết tắt tên cơ quan cấp phép.

⁽²⁾ Chỉ ghi mục này trong trường hợp cơ sở in có đủ điều kiện hoạt động in xuất bản phẩm và báo, tạp chí, các ấn phẩm báo chí khác theo quy định của pháp luật về báo chí, tem chống giả thì có thể (không bắt buộc) cấp chung trên một giấy phép.

⁽³⁾ Ghi cụ thể từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in tương ứng với tính năng sử dụng của thiết bị trong đơn đề nghị cấp phép.

⁽⁴⁾ Chỉ ghi mục này trong trường hợp cấp lại Giấy phép hoạt động in.

**TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
CẤP PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../.....(nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

Kính gửi:⁽¹⁾

1. Tên đơn vị đề nghị:⁽²⁾
 2. Địa chỉ:
 3. Số điện thoại:Email:
 4. Mã số doanh nghiệp/hộ kinh doanh:
 5. Quyết định thành lập đối với cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập số.....ngày.....tháng.....năm.....,nơi cấp.....
 6. Cơ sở in đã được cấp giấy phép hoạt động in số:..... ngày...tháng...năm.....do...
Hiện nay, do đơn vị có sự thay
- Để đảm bảo cơ sở in hoạt động đúng quy định của pháp luật, đề nghị quý cơ quan xem xét cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm cho cơ sở in theo các thông tin thay đổi sau:
- Tên cơ sở in:
 - Địa chỉ trụ sở chính:⁽³⁾
 - Điện thoại: Email:
 - Địa chỉ chi nhánh và xưởng sản xuất:⁽⁴⁾
 - Điện thoại:Email:.....
 - Họ tên người đứng đầu cơ sở in:
 - Căn cước công dân số:.....cấp ngày.....tháng.....năm.... nơi cấp.....
 - Chức vụ:
 - Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in:⁽⁵⁾
 - Nội dung hoạt động chế bản/in/gia công sau in đề nghị được cấp phép:⁽⁶⁾
 - Mục đích hoạt động.....⁽⁷⁾
7. Thay đổi về thiết bị in (nếu có).....⁽⁸⁾

8. Thay đổi về địa điểm, mặt bằng sản xuất (nếu có).....⁽⁹⁾

Đơn vị gửi kèm theo đơn này các tài liệu liên quan đến thay đổi

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp phép và cam kết chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in xuất bản phẩm./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.

⁽²⁾ Ghi tên cơ sở in đề nghị cấp phép. Trường hợp cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập không có pháp nhân thì ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp.

⁽³⁾ Ghi theo địa chỉ trụ sở chính trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp.

⁽⁴⁾ Ghi theo địa chỉ chi nhánh/xưởng sản xuất trên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in. Trường hợp có nhiều địa chỉ sản xuất (chi nhánh) thì ghi lần lượt, đầy đủ từng địa chỉ.

⁽⁵⁾ Ghi đầy đủ họ và tên, quốc tịch của toàn bộ cá nhân và tổ chức là đồng chủ sở hữu tính đến thời điểm nộp đơn (có thể lập thành danh mục kèm theo).

⁽⁶⁾ Ghi từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với tính năng thiết bị in của cơ sở in.

⁽⁷⁾ Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

⁽⁸⁾ Nếu có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) về thiết bị so với lần cấp phép trước đó thì kê khai đầy đủ thông tin của thiết bị thay đổi: Tên, hãng sản xuất, model, số máy, nước sản xuất, năm sản xuất, chất lượng, tính năng sử dụng; số, ngày, tháng, năm hóa đơn mua, bán hàng và giấy phép nhập khẩu (nếu thiết bị nhập khẩu trong thời gian quy định phải có giấy phép. Trường hợp thiết bị in nhập khẩu trong giai đoạn mà pháp luật không quy định phải có giấy phép khi nhập khẩu thì ghi năm nhập khẩu theo chứng từ hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai năm nhập khẩu đó.).

⁽⁹⁾ Nếu có sự thay đổi về địa điểm, mặt bằng sản xuất so với lần cấp phép trước đó thì kê khai lại theo địa chỉ đăng ký thay đổi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.

**ĐƠN VỊ CUNG CẤP
DỊCH VỤ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

V/v công bố chất lượng dịch vụ
phát thanh, truyền hình

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn về văn hóa/báo chí thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tên đơn vị cung cấp dịch vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Website:

E-mail:

2. Công bố chất lượng:

Dịch vụ: ... (tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ nhất) ...

Phương thức cung cấp dịch vụ (quảng bá/ trả tiền)

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng (số hiệu và tên Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia): ...

Dịch vụ: ... (tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ hai - nếu có) ...

Phương thức cung cấp dịch vụ (quảng bá/ trả tiền)

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng (số hiệu và tên Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia): ...

.....

3. Tài liệu kèm theo:

a) Bản công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình số ... ngày ... tháng ... năm ...;

b) Danh mục các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

4. (Đơn vị cung cấp dịch vụ) cam kết:

a) Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

b) Đảm bảo chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình như mức công bố.

Đơn vị cung cấp dịch vụ
(Ký tên, đóng dấu)**Nơi nhận:**

- Như trên;

-

- Lưu...

MẪU BẢN CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

**ĐƠN VỊ CUNG CẤP
DỊCH VỤ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

Số

Đơn vị cung cấp dịch vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Website:

Email:

CÔNG BỐChất lượng dịch vụ: ... *(tên dịch vụ thứ nhất)* ...Phương thức cung cấp dịch vụ *(quảng bá/ trả tiền)*
.....Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật *(số hiệu và tên Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)*: ...

(Danh mục các chỉ tiêu chất lượng kèm theo).

Thông tin bổ sung (nếu có):
.....Chất lượng dịch vụ: ... *(tên dịch vụ thứ hai - nếu có)*Phương thức cung cấp dịch vụ *(quảng bá/ trả tiền)*
.....Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật *(số hiệu và tên Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)*: ...

(Danh mục các chỉ tiêu chất lượng kèm theo).

Thông tin bổ sung (nếu có):

.....

....., ngày tháng năm

Đơn vị cung cấp dịch vụ

(ký tên, đóng dấu)

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**

*(Kèm theo bản công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình số ngày ...
tháng ... năm của (tên đơn vị cung cấp dịch vụ)...)*

Dịch vụ: ... (tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ nhất) ...

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Ghi chú
1				
2				
...				

Dịch vụ: ... (tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ hai - nếu có) ...

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Ghi chú
1				
2				
...				

Dịch vụ: ... (tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ n - nếu có) ...

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Ghi chú
1				
2				
...				

....., ngày ... tháng ... năm.....
Đơn vị cung cấp dịch vụ
(ký tên, đóng dấu)

TÊN THƯƠNG NHÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn
có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu**Kính gửi: Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân
tỉnh/thành phố....

1. Tên thương nhân (*ghi rõ tên đầy đủ và tên viết tắt*):
 - Điện thoại: Fax
 - Email:
 2. Địa chỉ:
 3. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (*Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh...*) số.....
 4. Hồ sơ kèm theo (*liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL*)
 5. Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và căn cứ quy định của pháp luật về nhập khẩu sản phẩm có nội dung văn hóa;
- Đề nghị Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... xem xét, xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn nhập khẩu dưới đây:
- Tên hàng hóa:
 - Số lượng và danh mục hàng hóa đề nghị nhập khẩu:
 - Mô tả nội dung, đặc điểm, tính năng, chủng loại, cách thức sử dụng/vận hành của từng loại hàng hóa và các thông tin liên quan khác theo yêu cầu tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL:.....
 - Theo hợp đồng nhập khẩu số:

- Tại cửa khẩu:
- Mục đích - địa điểm nhập khẩu/lắp đặt/sử dụng/phân phối:

6. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về các điều kiện nhập khẩu, lưu hành, phổ biến sản phẩm văn hóa;
- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị nhập khẩu./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA THƯƠNG NHÂN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên đối với tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu****Kính gửi:**

Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...

1. Tên thương nhân (*ghi rõ tên đầy đủ và tên viết tắt*):.....
- Điện thoại:..... Fax.....
- Email:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (*Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh*) số.....
4. Hồ sơ kèm theo (*liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 và khoản 9, khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).....
5. Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 và căn cứ quy định của pháp luật về quản lý tác phẩm mỹ thuật và nhiếp ảnh;
Đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... thẩm định và phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh đề nghị nhập khẩu dưới đây:
- Tên tác phẩm:
- Chất liệu, kích thước tác phẩm:
- Nội dung tác phẩm:
6. Chúng tôi xin cam kết:
- Thực hiện đúng các quy định về nhập khẩu tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh;
- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý tác phẩm mỹ thuật và nhiếp ảnh;
- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị nhập khẩu./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*